

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/DS-ST

Ngày: 12-5-2023.

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – Chủ Toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lữ Khắc Hồi.

2/ Ông Sơn Nhật Thành.

Thư ký phiên toà: Ông Dương Khởi - Thư Ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Thôn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 241/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về: *“Tranh chấp hợp đồng góp hụi”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXX-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Bội H, sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt)

Bị đơn: Bà Sơn Thị G, sinh năm 1956. Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Trịnh Bội H, tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay bà Trịnh Bội H là nguyên đơn có lời trình bày như sau: Do bà G gặp khó khăn về kinh tế nên có nhờ bà tham gia chơi và hót dùm một dây hụi tháng 5.000.000đồng gồm 13 phần. Sau khi hót hụi về được số tiền là 43.000.000đồng thì bà đưa cho bà G nhận, hai bên thỏa thuận lãi 2.000.000đồng/tháng, bà G nhận tiền của bà về để mua vật tư xây dựng nhà sau. Sau đó bà G có gửi cho bà mỗi tháng số tiền là 5.000.000đồng để đóng hụi chết được 06 tháng còn lại 06 tháng thì bà G có viết biên nhận với bà hiện nay biên nhận bà còn giữ, sau đó bà

G không tiếp tục đóng tiền hội chết cho bà, bà G hứa khi nào bán đất xong sẽ trả tiền cho và tiền lãi, nhưng khi bán đất xong bà G không trả tiền cho bà, bà có đến nhà đòi nhiều lần thì bà G hứa mà không trả nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu bà G trả cho bà số tiền 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*) và tiền lãi là 13 tháng là 40.000.000đồng (*Bốn mươi triệu đồng*)

Tại phiên Tòa hôm nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu bà G trả cho bà số tiền hội còn nợ là 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Phần tiền lãi nay bà không yêu cầu và bà tự nguyện xin rút lại phần yêu cầu về tiền lãi.

Tại bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Sơn Thị G có lời trình bày như sau:

Trước đây bà có vay của bà H số tiền 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*) và số tiền 40.000.000đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Tổng cộng là 70.000.000đồng (*Bảy mươi triệu đồng*), sau khi vay tiền bà phải đóng lãi cho bà H 300.000đồng mỗi ngày, sau đó bà không đóng nổi nữa thì bà mới nhờ bà H chơi dùm chung hội tháng 5.000.000đồng, hội có 13 phần và nhờ bà H hốt hội. Sau khi hốt hội bà H không giao tiền hội cho bà mà nói là trừ nợ, rất nhiều lần bà xin lại biên nhận nhưng bà H không đưa, bà H có nói khi nào đóng xong hội thì bà mới giao lại biên nhận cho bà. Sau đó bà có đóng cho bà H được sáu tháng tiền hội là 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*) hiện còn nợ bà H sáu tháng tiền hội với số tiền là 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*), bà có viết giấy nợ với bà H là nợ bà H sáu tháng tiền hội chưa đóng.

Nay bà thừa nhận còn nợ bà H số tiền là 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*) nhưng đây là tiền hội chết của sáu tháng chưa đóng do bà H hứa trừ nợ mà bà H không trừ nợ cho bà nên bà không đồng ý trả cho bà H.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ kiện nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên Tòa vẫn giữ lời trình bày và yêu cầu như đã nêu trên. Bị đơn không yêu cầu phản tố và các đương sự không bổ sung chứng cứ gì mới tại phiên Tòa.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên kết luận trình tự thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”, về xác định người tham gia tố tụng, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng qui định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Sơn Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Bội H số tiền là 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Đình chỉ với phần rút yêu cầu tính lãi của bà H.

Ngoài ra Vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các đương sự được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” theo quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua lời trình bày của các bên đương sự thì bà G thừa nhận bà có nhờ bà H tham gia chơi một dây hội tháng 5.000.000đồng gồm 13 phần, bà Hiền có hót hội về được số tiền là 43.000.000đồng và sau đó bà G có thừa nhận đã gửi tiền cho bà H đóng tiền hội được sáu tháng hội chết còn nợ lại sáu tháng hội chết thì bà G có viết biên nhận ghi “Tôi Sơn Thị G có thiếu chị H 3 tháng hội bằng 15.000.000, tháng 4,5,6.2021 dương lịch. Thiếu tháng 7. 8. 9”. Lời khai của các đương sự là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết sự kiện đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh.

[4] Tại phiên Tòa hôm nay bà H vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà G phải trả cho bà số tiền hội còn nợ là 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*) phần tiền lãi nay bà H không yêu cầu. Phía bà G thừa nhận còn nợ bà H số tiền 30.000.000đồng nhưng bà G không đồng ý trả cho bà H. Căn cứ vào Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì phải đưa ra chứng cứ để chứng minh*” và trong quá trình Tòa án giải quyết bà G không có đưa ra chứng cứ gì để chứng minh cho việc bà hót số tiền hội này mục đích để trừ vào số tiền vay trước đây mà bà còn nợ bà H, bà H không thừa nhận và bà H có cung cấp biên nhận 06 tháng tiền hội của bà G ký tên. Hội đồng xét xử xét thấy bà G có ký nhận nợ với bà H là còn nợ tiền

hội các tháng 4, 5, 6 và 7, 8, 9 năm 2021. Như vậy lời nại ra của bà G cho rằng số tiền hốt hội được về để trừ vào số tiền vay khác mà bà còn nợ bà H trước đây nhưng bà G không chứng minh được và bà H không thừa nhận, nên việc nại ra của bà G là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà G có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hội còn nợ là 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

[8] Xét về yêu cầu tính lãi: Do bà H xin rút lại phần yêu cầu về tiền lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này của bà H.

[9] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Vị kiểm sát viên là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà H với bà G là người cao tuổi nên được chấp nhận miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, khoản 2 Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Bội H.

Buộc bà Sơn Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Bội H số tiền hội còn nợ là 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Đình chỉ phần yêu cầu về tiền lãi do bà H tự nguyện xin rút lại phần yêu cầu về tiền lãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Bội H và bà Sơn Thị G không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, do bà H và bà G thuộc diện được miễn án phí (Người cao tuổi) và bà H, bà G có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí là phù hợp theo quy định của pháp luật được Tòa án chấp nhận. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chấp nhận cho bà H và bà G được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên